

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam

Ngày 31/03/2025	2,920 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.0%	-	-

DT thuần Q1/25
65.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼159 -70.7%
YoY: ▼98.1 -59.8%

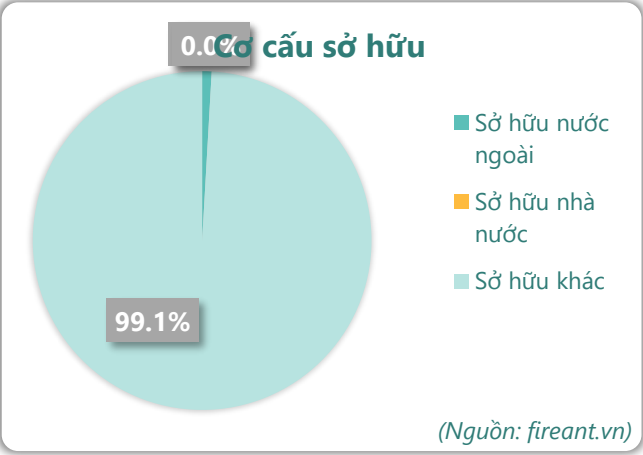
LN thuần Q1/25
-23.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 97.7 80.8%
YoY: ▼25.3 -1275%

LN sau thuế Q1/25
-23.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 103 81.4%
YoY: ▼25.0 -1706%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
10.6%
YoY: +/-▲ 54.8%

ROE (TTM) Q1/25
-28.4%
YoY: +/-▼ 4.1%

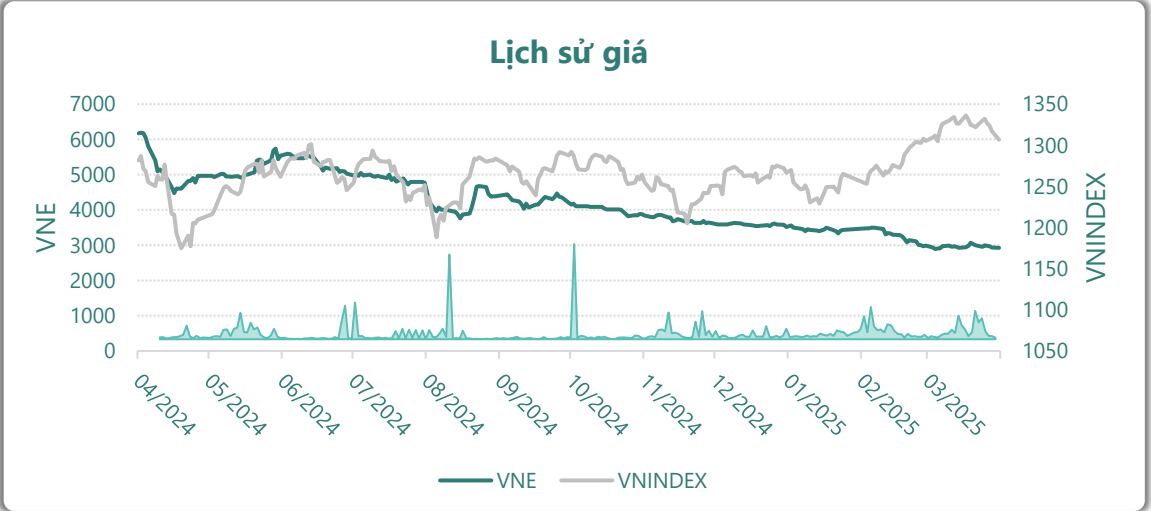
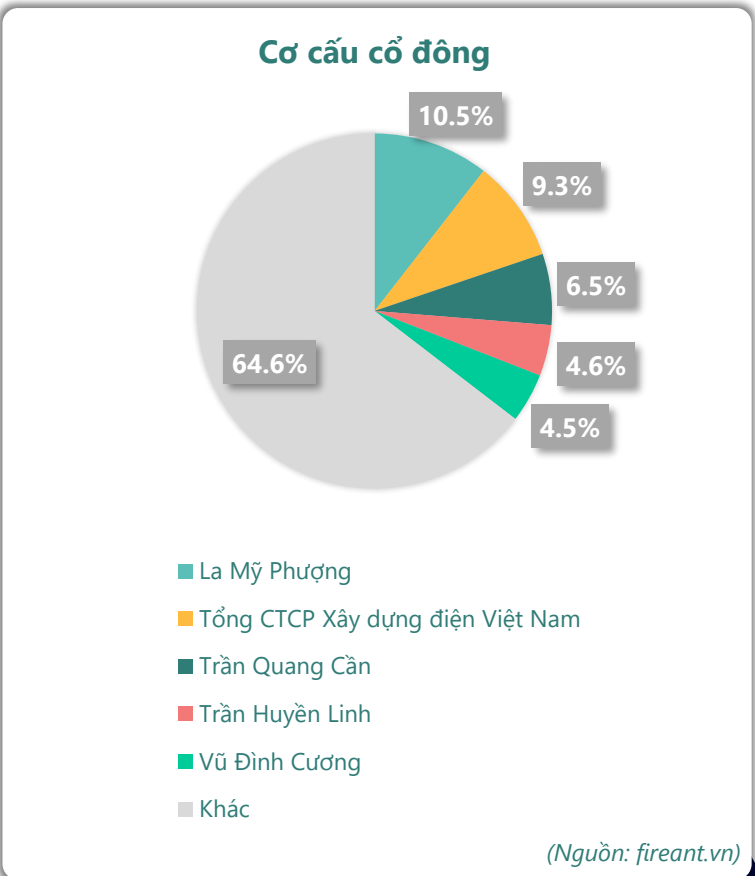
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,890 - 6,190
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
Số lượng CPLH (CP)	82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	131,210
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	
EPS	-2,972
P/E	-1.0



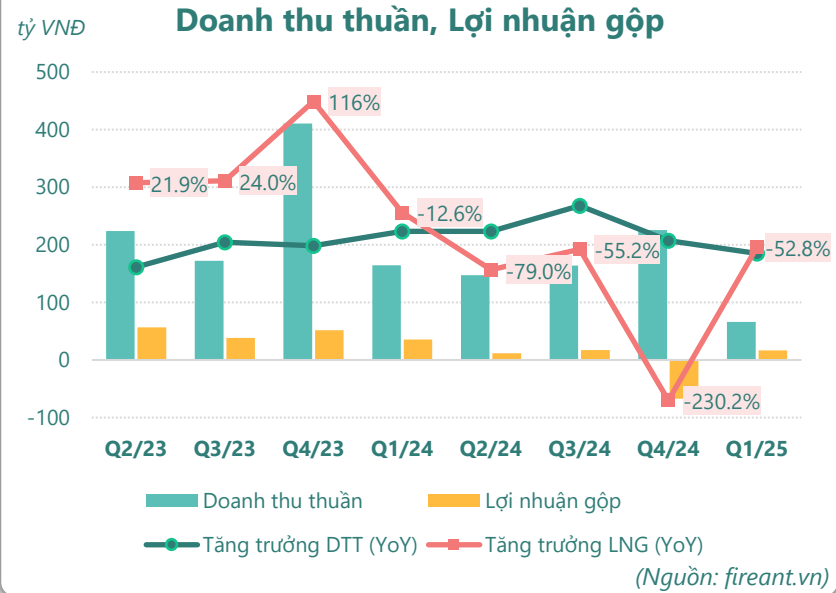
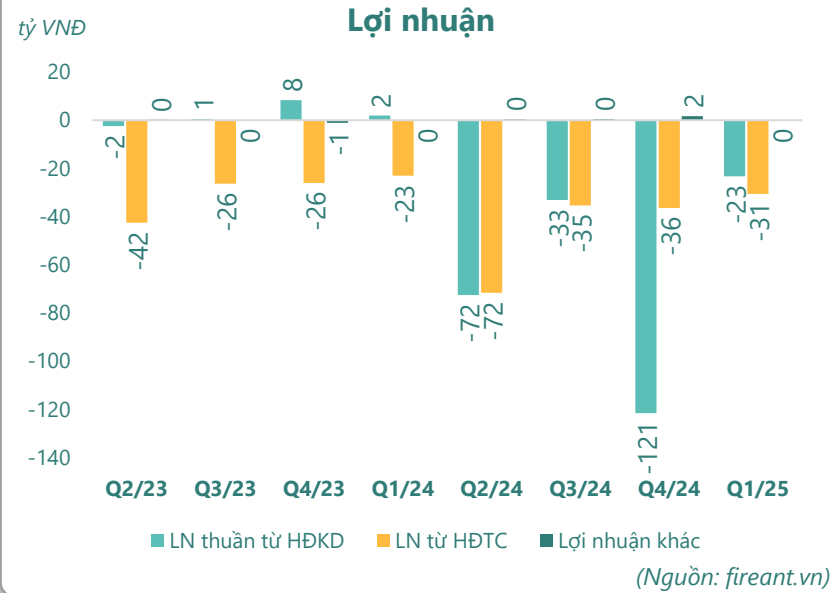
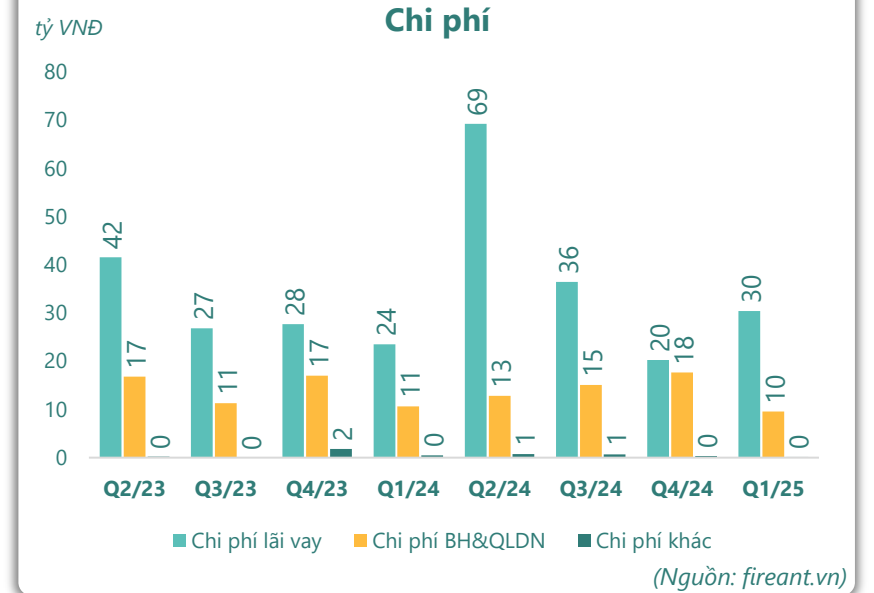
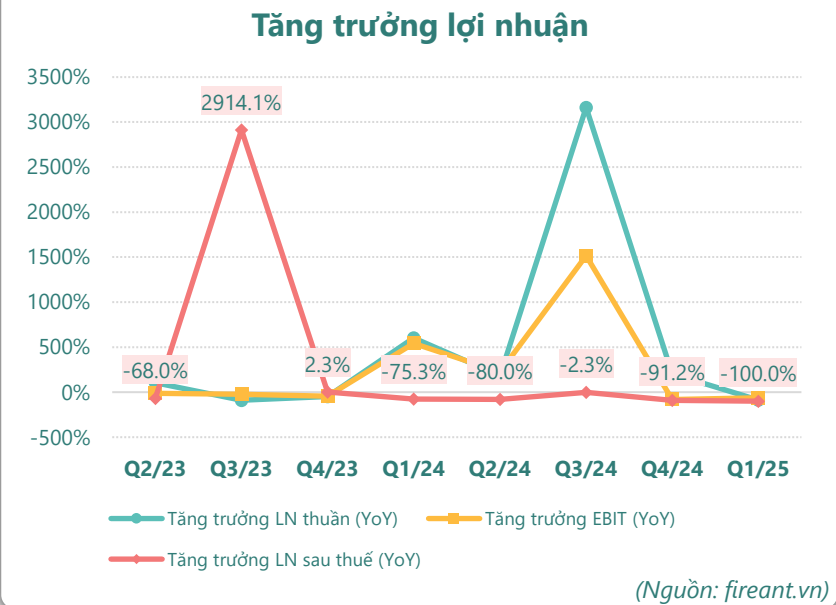
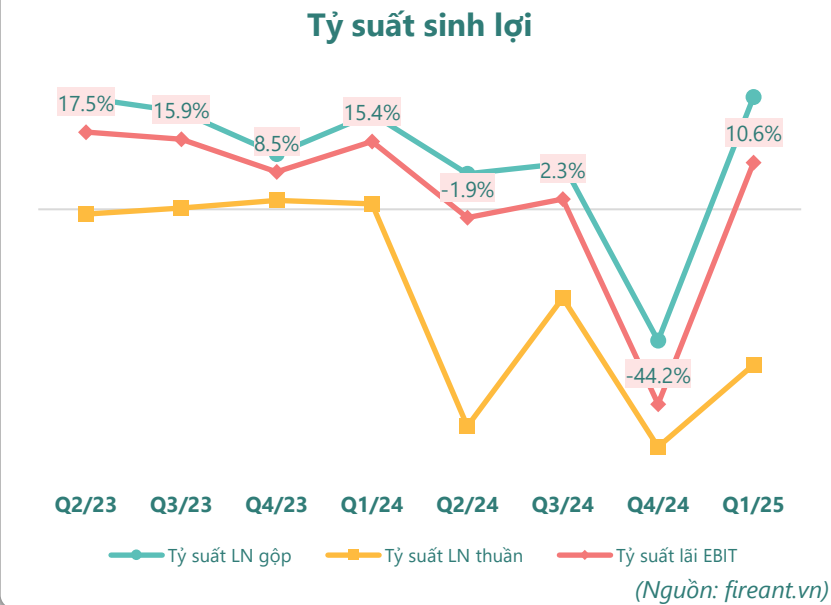
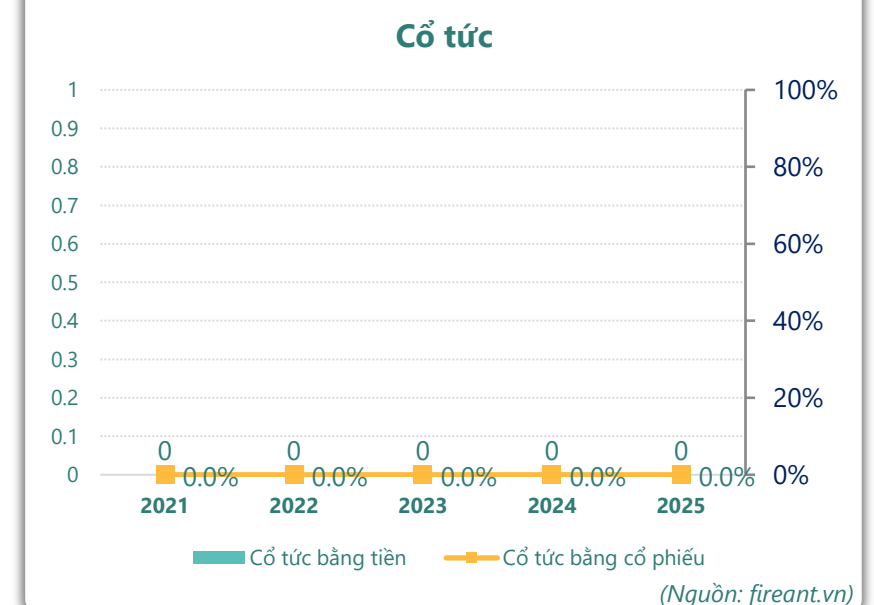
DT thuần 2024
701
tỷ VNĐ
YoY: ▼357 -33.8%

LN thuần 2024
-261
tỷ VNĐ
YoY: ▼242 -1298%

LN sau thuế 2024
-266
tỷ VNĐ
YoY: ▼238 -831%



KẾT QUẢ KINH DOANH



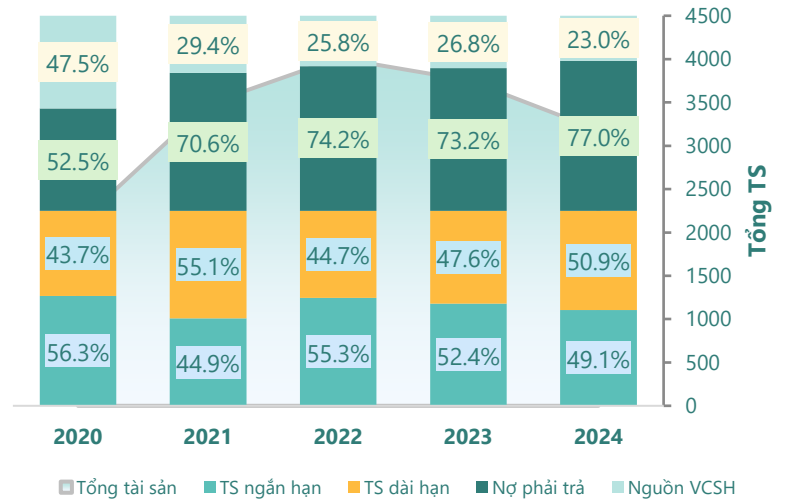


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

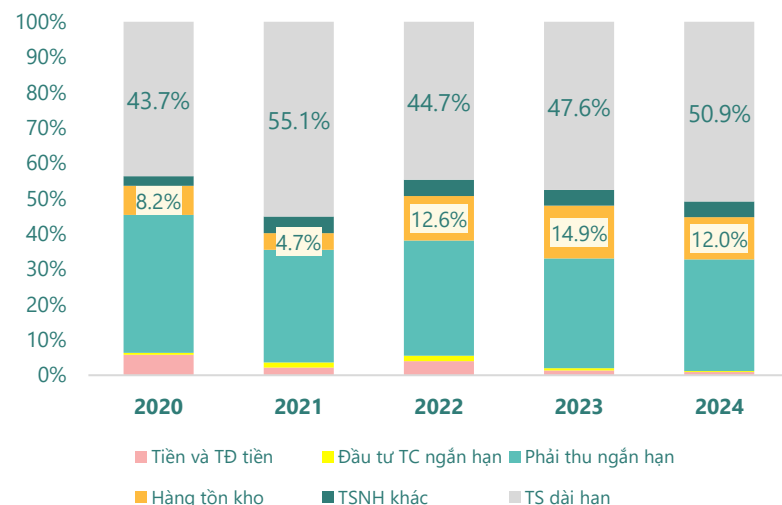
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

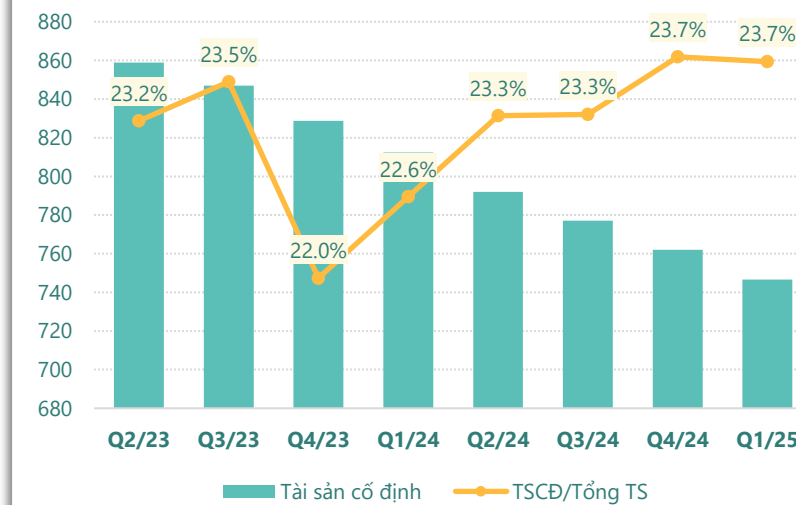
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

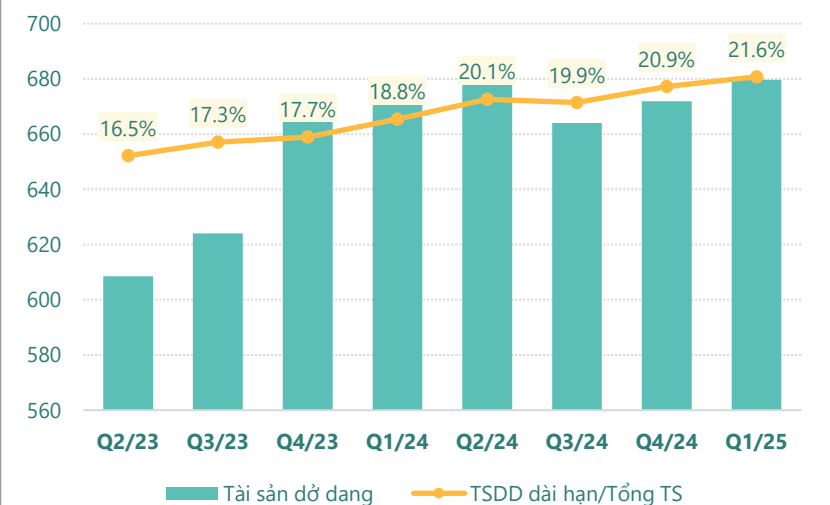
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

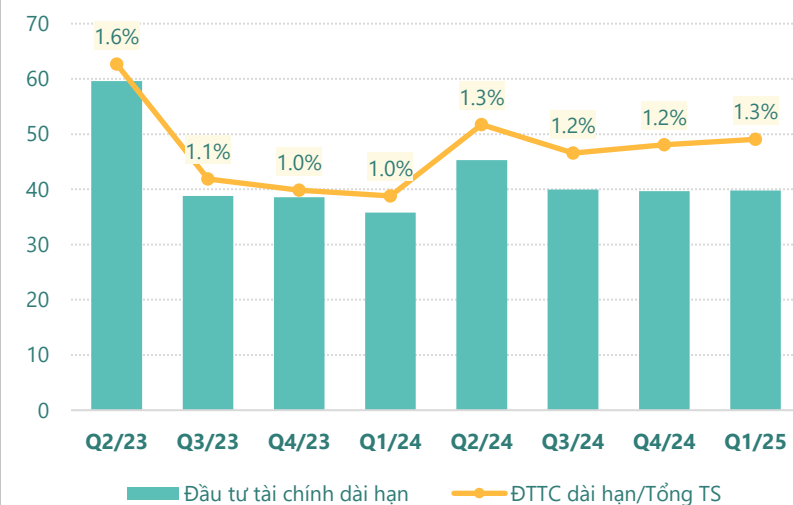
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

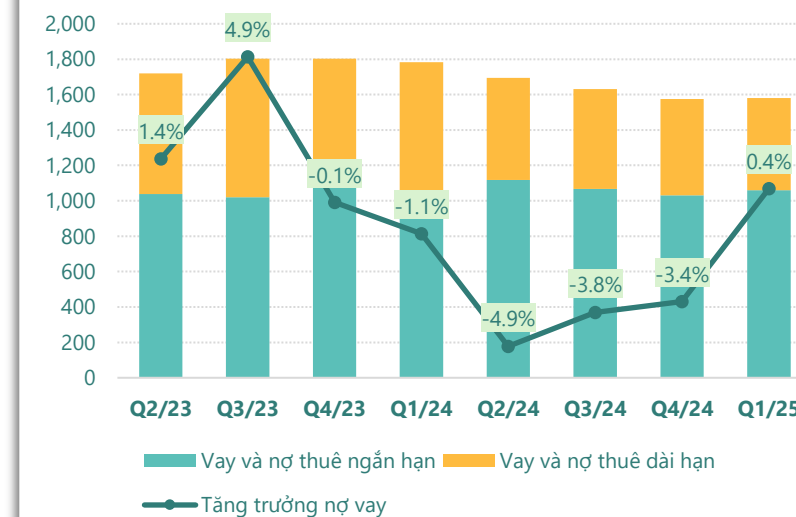
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

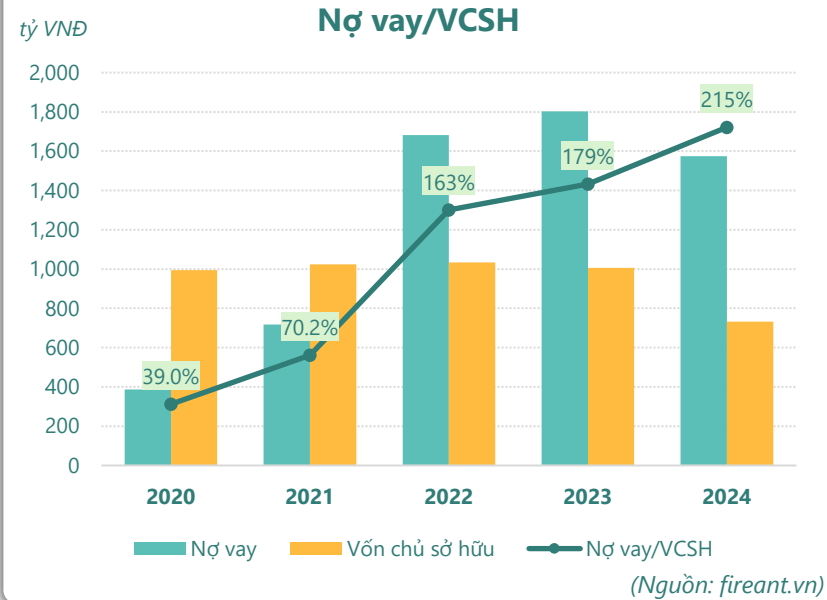
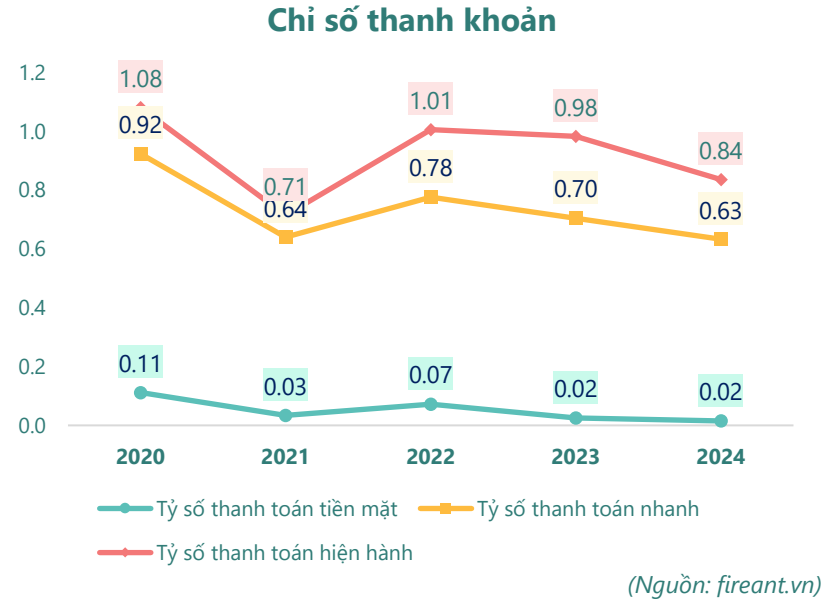
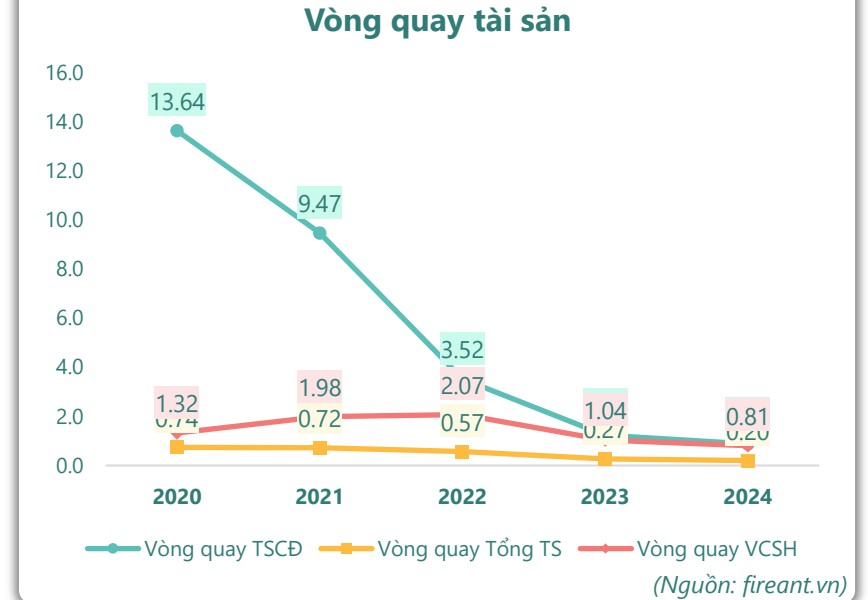
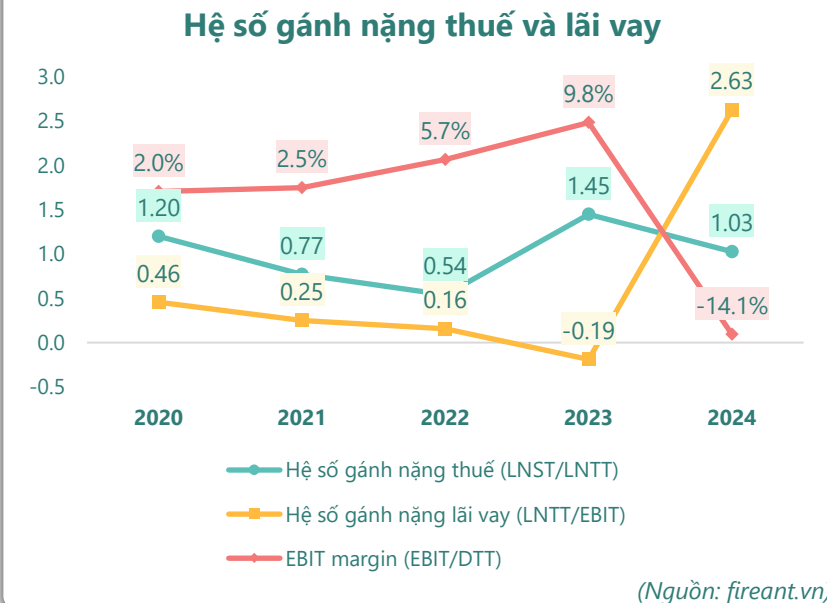
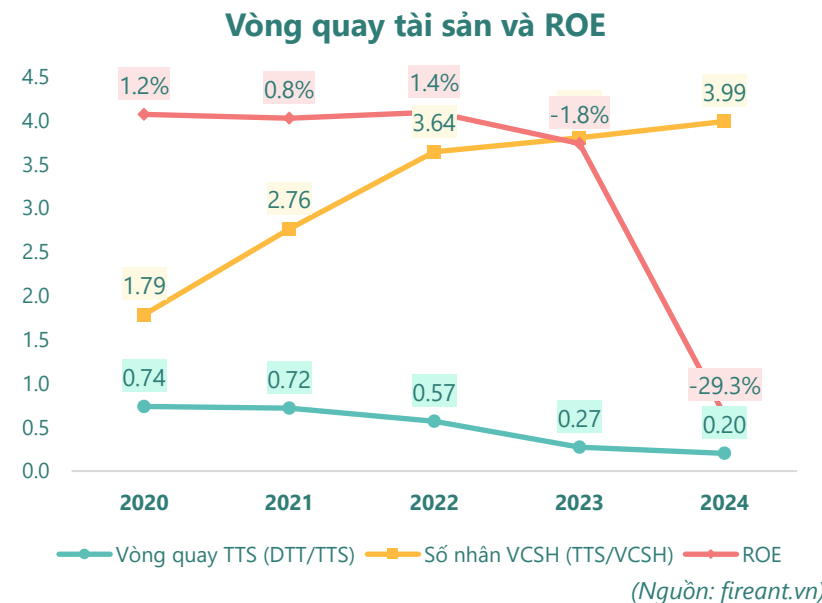
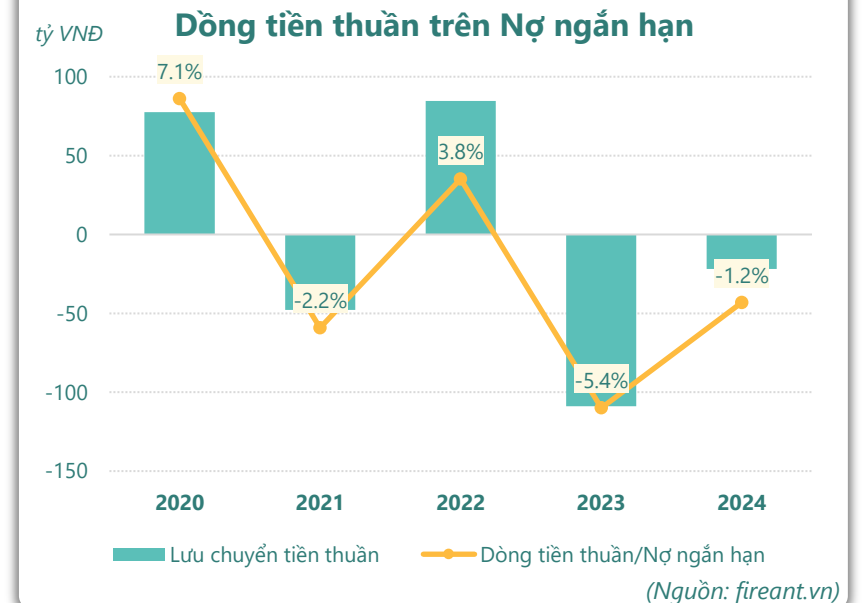
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	65.9	164	-59.8%	701	1,058	-33.8%
Giá vốn hàng bán	49.1	129	-61.9%	705	899	-21.5%
Lợi nhuận gộp	16.8	35.6	-52.8%	-4.83	159	-103%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.51	-88.8%	1.35	8.53	-84.2%
Chi phí TC	30.6	23.5	30.3%	170	129	31.8%
Chi phí lãi vay	30.4	23.5	29.3%	160	124	29.6%
LN trong công ty LKLD	0.08	0.12	-33.9%	0.22	0.15	44.0%
Chi phí bán hàng	0.16	0.00		0.42	0.32	31.8%
Chi phí QLDN	9.40	10.7	-12.1%	87.6	57.1	53.5%
LN thuần từ HĐKD	-23.3	1.98	-1275%	-261	-18.7	-1298%
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.29	46.6%	2.57	-1.03	350%
LN trước thuế	-23.4	1.70	-1477%	-259	-19.7	-1212%
Lợi nhuận sau thuế	-23.5	1.46	-1706%	-266	-28.5	-831%
LNST của CĐ cty mẹ	-22.1	2.57	-962%	-255	-18.1	-1306%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.42	18.4	-47.2	68.3	-12.0	-5.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.4	-2.52	4.24	71.1	70.4	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.58	-36.9	35.6	-135	-56.2	6.41
Tiền đầu kỳ	94.8	49.9	28.9	21.6	26.0	28.1
Lưu chuyển tiền thuần	-41.2	-21.0	-7.33	4.42	2.15	0.51
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	53.5	28.9	21.6	26.0	28.1	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,152	3,181	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	1,543	1,563	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	28.6	28.1	1.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.12	9.12	0.0%
Phải thu ngắn hạn	975	1,005	-2.9%
Hàng tồn kho	388	380	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	141	141	0.6%
Tài sản dài hạn	1,609	1,617	-0.5%
Phải thu dài hạn	7.27	7.27	0.0%
Tài sản cố định	747	762	-2.0%
Bất động sản đầu tư	102	102	0.0%
Tài sản dở dang	680	672	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.8	39.7	0.2%
Tài sản dài hạn khác	33.3	34.5	-3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,444	2,449	-0.2%
Nợ ngắn hạn	1,885	1,868	0.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,060	1,031	2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	341	364	-6.4%
Nợ dài hạn	558	581	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	521	543	-4.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	708	732	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	708	732	-3.2%
Vốn điều lệ	904	904	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

